

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/3/2021  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 479/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thụy Đan T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số 309/2/11, Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 509, ấp Vĩnh Tường 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt ngày 09/3/2021.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thụy Đan T và anh Nguyễn Văn T trình bày thể hiện: Về hôn nhân giữa chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu yêu thương, anh, chị tự nguyện về sống chung với nhau vào năm 2012, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong theo giấy kết hôn số: 207/2012, quyển 02/2012, ngày 05/10/2012. Vợ

chồng sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn:

Theo chị Đan T là do anh T thường rệu chè và quan hệ với phụ nữ khác, chị T nhiều lần khuyên can nhưng không được, vợ chồng thường xảy ra cự cãi nhau. Chị T nhận thấy tình cảm không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được xin ly hôn với anh T.

Anh T cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T tự bỏ nhà đi. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị Đan T.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Giữa chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ chung: chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không được, do anh T vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Lê Thụy Đan T giữ nguyên yêu cầu. Anh T vắng mặt.

Chị Lê Thụy Đan T xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác, anh T không cung cấp thêm chứng cứ.

Hội đồng xét xử công bố, bản tự khai và đơn xin vắng mặt của anh Nguyễn Văn T cùng ngày 09/3/2021.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn. Là hôn nhân hợp pháp, nay hai người đồng ý thuận tình ly hôn nhau, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đan T với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T không có không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Chị Lê Thụy Đan T “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 509, ấp Vĩnh Tường 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Văn T, có đơn xin vắng mặt ngày 09/3/2021. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Hôn nhân giữa chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

### *Về nội dung:*

[2] Về hôn nhân giữa chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu yêu thương, anh, chị tự nguyện về sống chung với nhau vào năm 2012, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong theo giấy kết hôn số: 207/2012, quyển 02/2012, ngày 05/10/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn:

Theo chị Đan T là do anh T thường rệu chè và quan hệ với phụ nữ khác, chị T nhiều lần khuyên can nhưng không được, vợ chồng thường xảy ra cự cãi nhau. Chị T nhận thấy tình cảm không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được xin ly hôn với anh T.

Anh T cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T tự bỏ nhà đi. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị Đan T.

Xét thấy yêu cầu của chị Đan T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Đan T.

Như vậy cho thấy về tình cảm giữa chị Đan T với anh T không còn, hai người sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay giữa chị Đan T với anh T thống nhất thuận tình ly hôn nhau theo quy định tại khoản 1, Điều 50 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đan T với anh T là hợp lý.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa chị Đan T với anh T không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đan T với anh T thống nhất với nhau 02 người không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thụy Đan T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU 2019/ 0006531 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 50 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T.

- Giấy chứng nhận kết hôn số: 207/2012, quyển 02/2012, do Ủy ban nhân dân xã Châu Phong cấp ngày 05/10/2012 cho chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T không còn giá trị.

2. Về con chung: Giữa chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Giữa chị Lê Thụy Đan T với anh Nguyễn Văn T không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thụy Đan T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU 2019/0006531 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đan T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Châu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thế Minh**